

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 24/2021/DS-PT

Ngày 29-4-2021

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Anh Sơn

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Thu Thủy

Bà Đặng Hồ Diệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Hồng Phương - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng: Bà Đào Thị Huệ - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 97/2020/TLPT-DS ngày 22 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2020/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện A1, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 98/2021/QĐ-PT ngày 16 tháng 3 năm 2021 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa xét xử phúc thẩm số 815/TB-TA ngày 22 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Vân L, ông Nguyễn Quang H; địa chỉ: Số X đường H, phường S, quận H, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lê Thị Thúy H1, Luật sư công ty Luật TNHH D; có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hoài T; địa chỉ: Số Y khu chung cư H, xã A, huyện A1, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Hoài T là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trình bày và yêu cầu của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hoài T là em gái của bà Nguyễn Thị Vân L. Bà T đã nhờ ông bà vay hộ số tiền 200.000.000 đồng. Để có khoản tiền cho Bà T vay, ngày 09 tháng 02 năm 2018, vợ chồng ông bà đã thế chấp tài sản tại Ngân hàng TMCP P (gọi tắt là Ngân hàng) để vay số tiền 505.000.000 đồng, Thời hạn vay trong 10 năm tính từ ngày 09 tháng 02 năm 2018; phương thức thanh toán: Trả cả gốc và lãi vào ngày 16 hàng tháng. Sau khi

vay được số tiền trên, ông bà đã cho Bà T vay 200.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận Bà T phải trả cho ông bà hàng tháng gốc và lãi theo mức lãi suất của Ngân hàng là 11,8%/01 năm. Cụ thể vào ngày 16 hàng tháng Bà T trả gốc là 2.000.000 đồng và lãi là 1.700.000 đồng; Tổng số tiền gốc và lãi Bà T phải trả cho ông bà là 3.700.000đồng/1 tháng cho đến khi trả hết gốc theo hợp đồng vay giữa ông bà và Ngân hàng. Do là chị em trong gia đình nên khi đưa tiền cho Bà T, ông bà không làm giấy tờ hai bên chỉ thỏa thuận miệng với nhau. Bà T đã trả cho ông bà được 02 tháng gồm tháng 2 và tháng 3 năm 2018 là 7.400.000 đồng. Từ ngày 16 tháng 4 năm 2018 đến nay, Bà T vi phạm thỏa thuận, không trả tiền gốc, lãi cho ông bà. Do gia đình ông bà phát sinh tranh chấp liên quan đến tài sản ông bà đã thế chấp bảo đảm cho khoản vay trên nên Ngân hàng đã yêu cầu ông bà phải thanh toán khoản vay trước hạn, tháng 6 năm 2020 ông bà đã phải thanh toán toàn bộ khoản vay cho Ngân hàng. Do Bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ hai bên đã thỏa thuận để có tiền trả vào Ngân hàng số tiền của Bà T, ông bà phải vay tiền của bạn bè mỗi người một ít (ông bà không nhớ người cho vay) với lãi suất cao hơn mức lãi hai bên đã thỏa thuận là 5,7%/năm.

Nay, ông bà đề nghị Tòa án buộc Bà T phải trả số tiền nợ gốc và lãi tính từ ngày 16 tháng 4 năm 2018 đến ngày Tòa án xét xử vụ án, ngày 30 tháng 9 năm 2020 theo mức lãi suất 17,5%/ năm, số tiền gốc Bà T phải thanh toán cho ông bà 192.600.000 đồng và số tiền lãi trên số nợ gốc theo mức lãi suất hai bên đã thỏa thuận 11,8%/ năm là $(192.600.000 \text{ đồng} \times 898 \text{ ngày} \times 11,8\% / \text{năm}) : 365 \text{ ngày} = 55.914.154 \text{ đồng}$ và số tiền lãi ông bà yêu cầu Bà T phải trả thêm cao hơn mức lãi suất hai bên đã thỏa thuận là $(192.600.000 \text{ đồng} \times 898 \text{ ngày} \times 5,7\% / \text{năm}) : 365 \text{ ngày} = 27.009.380 \text{ đồng}$. Tổng số tiền ông bà yêu cầu bà Nguyễn Thị Hoài T phải hoàn trả tính đến ngày 30 tháng 9 năm 2020 là 275.523.534 đồng, trong đó gốc: 192.600.000 đồng và lãi 82.923.534 đồng. Ngoài yêu cầu Bà T phải trả nợ số tiền trên ông bà không yêu cầu chồng Bà T phải cùng với Bà T hoàn trả cho ông bà, do số tiền Bà T vay của ông bà không liên quan đến chồng Bà T. Ông bà không yêu cầu Tòa án vấn đề nào khác.

Trình bày và đề nghị của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hoài T có bản tự khai, và lời trình bày tại biên bản hòa giải, thể hiện: Ngày 09 tháng 2 năm 2018 bà cầm của bà L số tiền là 200.000.000 đồng, nguồn gốc số tiền từ việc mẹ bà cụ Lương Thị T cho các chị em bà mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số nhà 356 phường S, quận H, thành phố Hải Phòng để cho bà L đứng tên thế chấp tài sản vay vốn Ngân hàng TMCP P (gọi tắt là Ngân hàng) về chia cho các em và vợ chồng bà L có tiền trả nợ. Sau khi vay vốn của Ngân hàng bà L nói vay được của Ngân hàng 400.000.000 đồng và đưa lại cho bà 200.000.000 đồng nhưng bà L có nói số tiền này còn trừ khoản tiền dịch vụ để vay: 13.200.000 đồng nên bà chỉ nhận số tiền từ bà L là 186.800.000 đồng. Khi bà L giao số tiền 186.800.000 đồng cho bà có mẹ bà chứng kiến. Bà đã thanh toán cho bà L như hai bên đã thỏa thuận số tiền 2 tháng là tháng 2 và tháng 3 năm 2018 là 3.700.000đ/1tháng bao gồm gốc và lãi để trả cho ngân hàng theo thông báo của bà L. Hai bên có thỏa thuận bà sẽ trả hàng tháng số tiền trên cho đến khi thanh toán hết nợ. Tháng

5/2018, mẹ bà cụ Lương Thị T (85 tuổi) cùng 03 chị em bà đã nộp đơn khởi kiện bà Nguyễn Thị Vân L tại Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hải Phòng về việc: Lợi dụng, lừa mẹ già để mượn Sổ đỏ (tài sản riêng của mẹ bà) mang đi thế chấp Ngân hàng vay vốn và chiếm đoạt tài sản. Vì phát sinh vụ án khởi kiện bà L ra Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hải Phòng để giải quyết, bảo vệ quyền lợi chính đáng cho mẹ bà, khi bị vợ chồng L lừa để chiếm đoạt tài sản Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại số 52 Kiến Thiết, phường S, quận H, thành phố Hải Phòng nên số tiền gốc và lãi gần 200.000.000đồng bà không đưa cho bà L để trả cho Ngân hàng từ tháng 4/2018 đến nay. Ngày 17 tháng 6 năm 2020, Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hải Phòng đã xét xử vụ án khởi kiện bà Nguyễn Thị Vân L, buộc bà L phải hoàn trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng và sở hữu nhà để mang tên cụ Lương Thị T; đồng thời, vợ chồng bà L phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng từ ngày 08 tháng 02 năm 2018 là 391.000.000đồng để thanh lý hợp đồng, lấy lại Giấy chứng nhận sử dụng đất và sang tên và trả cho mẹ bà là cụ Lương Thị T.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà L ông H bà có quan điểm như sau: Bà không đồng ý trả nợ số tiền gốc và lãi theo yêu cầu của vợ chồng bà L ông H đã trình bày ở trên. Số tiền 200.000.000 đồng bà L đã giao cho bà, bà sẽ cùng với bà L trả số tiền gốc và lãi theo tỷ lệ lãi suất Ngân hàng cho vay 11,8%/ năm từ năm 2018 mỗi tháng gốc và lãi là 3.700.000 đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ theo thỏa thuận của bà và bà L cho Ngân hàng. Đối với số tiền lãi vợ chồng bà L ông H trình bày đã phải vay người khác để trả nợ cho Ngân hàng khi bà không thanh toán cho bà L, bà không chấp nhận. Số tiền bà nhận từ bà L không liên quan gì đến chồng bà nên bà sẽ có trách nhiệm giải quyết với bà L theo quan điểm bà đã trình bày ở trên. Trong số tiền 200.000.000 đồng bà đã nhận từ bà L, bà có đưa cho bà Nguyễn Thị Dương L1 là chị gái bà một phần quan điểm của bà không đề nghị bà L1 phải trả lại cho bà số tiền bà đã đưa cho bà L1 để bà và bà L1 tự giải quyết với nhau.

Tại đơn xin hoãn phiên tòa Bà T có quan điểm trong số tiền tranh chấp chị em bà cùng vay bằng tài sản của mẹ bà, trong số tiền 200.000.000 đồng phần lớn là cho chị Nguyễn Thị Dương L1 vay bà chỉ có một phần nhỏ đề nghị Tòa án hoãn phiên tòa để có sự tham gia của chị Liễu, chị Nguyễn Thị Bích Liên, cụ Lương Thị T tại phiên tòa. Đến ngày 29 tháng 9 năm 2020 Bà T tiếp tục thay đổi quan điểm việc bà L khởi kiện yêu cầu bà phải trả số tiền 200.000.000 đồng là không đúng, bà không ký giấy tờ vay mượn bà L nên không vay của bà L mà số tiền trên bà vay của Ngân hàng 75.000.000 đồng còn chị Liễu vay ngân hàng 125.000.000 đồng. Việc Ngân hàng rút yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng tại Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng là việc của Ngân hàng, bà nợ Ngân hàng bà sẽ trả cho Ngân hàng.

Với nội dung như trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2020/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện A1, thành phố Hải Phòng:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; các điều 35, 39, 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ các điều 278, 280, 463, 466,

468, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 6; điểm d khoản 1 Điều 12; khoản 4, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Vân L, ông Nguyễn Quang H đối với bà Nguyễn Thị Hoài T, buộc: Bị đơn bà Nguyễn Thị Hoài T phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Vân L, ông Nguyễn Quang H số tiền 248.514.154 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Vân L, ông Nguyễn Quang H về việc buộc bà Nguyễn Thị Hoài T phải hoàn trả số tiền lãi 27.009.380 đồng ông H, bà L vay ngoài cao hơn mức lãi suất hai bên thỏa thuận là 5,7%/năm.

3. Về án phí: Bị đơn bà Nguyễn Thị Hoài T phải nộp số tiền 12.425.707 đồng án phí dân sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước. Bà Nguyễn Thị Vân L phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm 675.234 đồng. Trả lại cho bà Nguyễn Thị Vân L số tiền 3.995.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp (Biên lai thu tiền số 0012669 ngày 06 tháng 7 năm 2020), khấu trừ khoản tiền án phí dân sự sơ thẩm bà L phải nộp do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận 675.234 đồng. Bà Nguyễn Thị Vân L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.319.766 đồng. Ông Nguyễn Quang H được miễn khoản tiền án phí dân sự đối với phần yêu cầu khởi kiện không được Tòa án chấp nhận.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án đối với các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 25/10/2020, bà Nguyễn Thị Hoài T kháng cáo bản án Tòa án sơ thẩm đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm. Quyết định chấp nhận kháng cáo quá hạn số 04/2020/QĐ-PT ngày 26/11/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng chấp nhận kháng cáo quá hạn của bà Nguyễn Thị Hoài T đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2020/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện A1, thành phố Hải Phòng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan điểm của Kiểm sát viên đối với kháng cáo: Xét phạm vi, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn các tài liệu chứng cứ thu thập được không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp , thẩm quyền: Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn có nơi cư trú tại huyện A1, thành phố Hải Phòng nên căn cứ Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện A1, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm là đúng thẩm quyền. Do vụ án có kháng cáo nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về xác định những người tham gia tố tụng trong vụ án: Trong vụ án này, nguyên đơn có đơn khởi kiện bị đơn về yêu cầu trả nợ tiền vay. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm xác định nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Vân L, ông Nguyễn Quang H; bị đơn là bà Nguyễn Thị Hoài T là có căn cứ. Quá trình giải quyết vụ án, bà L và Bà T đều có lời khai thống nhất về nguồn gốc số tiền Bà T đã nhận từ bà L trong khoản tiền bà L, ông H vay của Ngân hàng. Để vay được khoản vay trên từ Ngân hàng bà L, ông H đã thế chấp tài sản theo Bà T trình bày nguồn gốc tài sản trên là do bà L lừa mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cụ Lương Thị T là mẹ của bà L, Bà T để thế chấp còn bà L xác định tài sản trên là của cụ Tiến làm thủ tục tặng cho bà L đã được Văn phòng đăng ký đất đai Quận H, thành phố Hải Phòng chỉnh lý biến động chủ sử dụng đất từ cụ Tiến sang cho bà L. Đối với tranh chấp về chủ sở hữu tài sản thế chấp giữa cụ Tiến và bà L, các bà Nguyễn Thị Hoài T, bà Nguyễn Thị Dương L1, bà Nguyễn Thị Bích Liên là quan hệ pháp luật khác và đã được Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm do vậy Tòa án cấp sơ thẩm không đưa cụ Lương Thị T, bà Nguyễn Thị Dương L1, bà Nguyễn Thị Bích Liên tham gia vào tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có cơ sở. Trong quá trình giải quyết vụ án Bà T cho rằng trong số tiền bà nhận từ bà L 200.000.000 đồng là khoản tiền Bà T vay của Ngân hàng 75.000.000 đồng, bà đưa cho bà Nguyễn Thị Dương L1 125.000.000 đồng nhưng Bà T có quan điểm không đề nghị Tòa án buộc bà L1 phải trả lại cho Bà T số tiền bà đã đưa cho bà L1 để Bà T và bà L1 tự giải quyết với nhau.

[3] Về nguồn gốc số tiền tranh chấp: Căn cứ vào lời trình bày thừa nhận của các bên đương sự có đủ căn cứ xác định: Bà Nguyễn Thị Hoài T và bà Nguyễn Thị Vân L là hai chị em ruột. Ngày 09 tháng 02 năm 2018, ông Nguyễn Quang H, bà Nguyễn Thị Vân L ký Hợp đồng tín dụng vay vốn của Ngân hàng số tiền 505.000.000 đồng, thời hạn vay là 10 năm tính từ ngày 09 tháng 02 năm 2018, phương thức thanh toán: Trả cả gốc và lãi hàng tháng vào ngày 16, tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất của bên thế chấp bà L ông H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 25 tháng 12 năm 2012 do UBND Quận H, thành phố Hải Phòng cấp cho cụ Lương Thị T. Sau khi vay được số tiền trên, bà L đã giao lại cho Bà T số tiền 200.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận Bà T phải trả cho bà L, ông H hàng tháng số tiền gốc và lãi theo mức lãi suất là 11,8%/01năm. Cụ thể vào ngày 16 hàng tháng Bà T trả gốc là 2.000.000 đồng và lãi là 1.700.000 đồng; cộng gốc và lãi một tháng Bà T phải trả cho bà L, ông H là 3.700.000 đồng cho đến khi trả hết gốc (theo hợp đồng vay giữa vợ chồng bà L ông H và Ngân hàng). Việc bà L giao

tiền cho Bà T và thỏa thuận số tiền gốc, lãi trả hàng tháng, thời gian trả tiền, hai bên chỉ thỏa thuận miệng với nhau, không có giấy tờ. Lời khai của bà L, Bà T phù hợp với nhau, Bà T cũng đã thực hiện theo thỏa thuận của hai bên trả cho bà L ông H được 02 tháng gồm tháng 2 và tháng 3 năm 2018 là 7.400.000 đồng. Từ tháng 4 năm 2018 đến nay, Bà T không trả tiền gốc, lãi cho bà L ông H. Quá trình giải quyết vụ án tranh chấp giữa cụ Tiến và chị Lý tại Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hải Phòng cũng như lời khai, biên bản hòa giải của Bà T tại Tòa án nhân dân huyện A1, thành phố Hải Phòng Bà T đều thừa nhận bà có nhận của bà L số tiền 200.000.000 đồng cũng như đã thanh toán cho bà L được hai tháng tiền gốc và lãi và nguồn gốc số tiền là do bà L vay của Ngân hàng. Do tài sản thế chấp phát sinh tranh chấp nên tháng 6 năm 2020 ông H, bà L đã trả toàn bộ số tiền gốc, lãi cho Ngân hàng, theo thông báo giải tỏa tài sản bảo đảm tiền vay ngày 18 tháng 6 năm 2020 của Ngân hàng. Việc Bà T thay đổi quan điểm Bà T không ký giấy tờ gì thể hiện việc vay mượn của bà L số tiền 200.000.000 đồng, số tiền 200.000.000 đồng bà L giao cho Bà T là do Bà T vay của Ngân hàng 75.000.000 đồng và bà L1 vay 125.000.000 đồng nên bà sẽ có trách nhiệm trả cho Ngân hàng. Tuy nhiên, bà L, ông H là người trực tiếp ký hợp đồng vay vốn của Ngân hàng, sau khi vay vốn bà L đã giao số tiền 200.000.000 đồng cho Bà T, do vi phạm Hợp đồng nên ông H bà L đã phải hoàn trả cho Ngân hàng toàn bộ khoản vay nên quan điểm của Bà T xác định Bà T vay tiền của Ngân hàng và sẽ có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng là không có căn cứ chấp nhận. Theo bà L trình bày bà L đã giao cho Bà T số tiền gốc 200.000.000 đồng còn Bà T nhiều lần xác nhận bà đã nhận số tiền 200.000.000 đồng sau đó thay đổi chỉ xác định nhận số tiền gốc 186.800.000 đồng có chứng kiến của cụ Lương Thị T. Căn cứ vào lời khai của Bà T tại Tòa án nhân dân Quận H, thành phố Hải Phòng; lời khai của Bà T trong quá trình giải quyết vụ án và thừa nhận của Bà T tại phiên tòa phúc thẩm xác định bà L đã giao số tiền 200.000.000 đồng cho Bà T như Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định là có căn cứ. Quan điểm của bà L, ông H chỉ yêu cầu Bà T phải trả khoản tiền gốc 192.600.000 đồng, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên Bà T phải trả bà L, ông H số tiền nợ gốc 192.600.000 đồng.

[4] Yêu cầu của nguyên đơn về khoản tiền lãi: Khoản tiền lãi của số tiền gốc 192.600.000 đồng tính từ ngày 16 tháng 4 năm 2018 là ngày Bà T nhận tiền đến ngày xét xử sơ thẩm vụ án là ngày 30 tháng 9 năm 2020 - ngày xét xử sơ thẩm là 898 ngày theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận 11,8%/năm bằng 55.914.154 đồng (11,8%/năm x 192.600.000 đồng x 898 ngày).

[5] Như vậy, tổng số tiền Bà T phải hoàn trả cho bà L, ông H là 192.600.000 đồng + 55.914.154 đồng = 248.514.154 đồng.

[6] Đối với yêu cầu khởi kiện của bà L, ông H về việc yêu cầu bà L phải hoàn trả khoản tiền lãi ông bà đã phải vay ngoài khoản tiền lãi suất hai bên đã thỏa thuận là 5,7%/năm để trả cho Ngân hàng số tiền 27.009.380 đồng. Theo thỏa thuận của hai bên thời gian trả nợ được tính hàng tháng theo Hợp đồng vay của Ngân hàng là 10 năm do bà L, ông H vi phạm hợp đồng với Ngân hàng nên đã thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ khoản vay. Hai bên không thỏa thuận bị đơn

phải trả bất kỳ một khoản tiền lãi phát sinh thêm nào khác. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của bà L, ông H cũng như quan điểm của Bà T về việc Bà T vay tiền của Ngân hàng sẽ trả tiền vay trên cho Ngân hàng là có cơ sở.

[7] Theo Bà T trình bày sau khi nhận số tiền 200.000.000 đồng bà đã chuyển lại cho bà Nguyễn Thị Dương L1 125.000.000 đồng nhưng Bà T có quan điểm không đề nghị bà L1 phải trả lại cho bà số tiền bà đã đưa cho bà L1 để bà và bà L1 tự giải quyết với nhau. Xét quan điểm của Bà T là tự nguyện nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết. Vì vậy, bị đơn cho rằng phải cho bà L1 vào tham gia tố tụng và hủy bản án sơ thẩm là không có căn cứ.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn. Nguyên đơn phải chịu số tiền án phí đối với khoản tiền không được chấp nhận. Ông Nguyễn Quang H nguyên đơn là người cao tuổi nên miễn toàn bộ án phí cho ông H đối với yêu cầu không được chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn là người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; các điều 35, 39, 147, 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ các điều 278, 280, 463, 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hoài T. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2020/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện A1, thành phố Hải Phòng,

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Vân L, ông Nguyễn Quang H đối với bà Nguyễn Thị Hoài T, buộc bà Nguyễn Thị Hoài T phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Vân L, ông Nguyễn Quang H số tiền 248.514.154 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Vân L, ông Nguyễn Quang H về việc buộc bà Nguyễn Thị Hoài T phải trả số tiền lãi 27.009.380 đồng ông H, bà L vay ngoài cao hơn mức lãi suất hai bên thỏa thuận là 5,7%/ năm.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi

hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Về án phí:

- Ông Nguyễn Quang H được miễn khoản tiền án phí dân sự đối với phần yêu cầu khởi kiện không được Tòa án chấp nhận.

- Bà Nguyễn Thị Hoài T phải chịu 12.425.707 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, tổng cộng là 12.725.707 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0012932 ngày 08/12/2020 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện A1, thành phố Hải Phòng; Bà T còn phải nộp số tiền 12.425.707 đồng.

- Bà Nguyễn Thị Vân L phải chịu 675.234 đồng số tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Nguyễn Thị Vân L số tiền 3.995.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0012669 ngày 06 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A1, thành phố Hải Phòng, trừ vào khoản tiền án phí dân sự sơ thẩm bà Nguyễn Thị Vân L phải nộp 675.234 đồng; trả lại cho bà Nguyễn Thị Vân L số tiền 3.319.766 đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự (để thi hành);
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- TAND huyện A1;
- Chi cục THADS huyện A1;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Anh Sơn